

Số: /TTr-STNMT

Gia Lai, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Quyết định ban hành Bộ giá sản phẩm: thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai kính trình Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt Quyết định ban hành Bộ giá sản phẩm: thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN:

1. Tên gọi: “Quyết định ban hành Bộ giá sản phẩm: thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai”.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo: Sở Tài nguyên và Môi trường

2. Thẩm quyền ban hành: Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai.

3. Căn cứ pháp lý:

3.1. Căn cứ mục c, khoản 1, điều 19 Mục 2, Định Giá của Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2013 quy định hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá:

“c) Hàng dự trữ quốc gia; sản phẩm dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.”

3.2. Căn cứ mục g, khoản 4, điều 8. tại Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá quy định Thẩm quyền và trách nhiệm định giá:

“4. UBND tỉnh quy định:

...

g) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất kinh doanh, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.”

3.3. Căn cứ Điều 28 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 23/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội ban hành Luật Ban hành Văn bản Quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 28. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

2. Biện pháp thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương;

3. Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương.”

3.4. Căn cứ điểm 3 (gạch đầu dòng thứ 3), mục g, khoản 1, điều 1 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

3.5. Căn cứ Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 13/05/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực tài nguyên, môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

3.6. Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BTNMT ngày 07/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư ban hành Quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

3.7. Căn cứ khoản 1, điều 1, Thông tư 05/2021/TT-BTNMT ngày 29/5/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và môi trường trực thuộc UBND tỉnh và phòng Tài nguyên và Môi trường trực thuộc UBND cấp huyện quy định:

“Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo (đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển) và các dịch vụ công về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.”

4. Sự cần thiết:

Với những căn cứ pháp lý nêu trên là cơ sở để Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì soạn thảo tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Bộ giá sản phẩm: thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai nhằm thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh.

Hiện nay, công tác thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất hết sức cần thiết trong quá trình thực hiện việc quản lý sử dụng đất đai, góp phần xây dựng phương án phát triển quy hoạch sử dụng đất và đề xuất các cơ chế chính sách về đất đai được nhà nước quy định. Nhiệm vụ thống kê đất đai là nhiệm vụ thường xuyên được thực hiện định kỳ hàng năm; Nhiệm vụ kiểm kê đất đai lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất thực hiện định kỳ 5 năm theo quy định của Luật Đất đai. Khi xây dựng kế hoạch triển khai, các địa phương và các ngành thường lúng túng và mất thời gian cho công tác lập dự toán, thẩm định và ảnh hưởng đến

công tác thanh quyết toán nhiệm vụ sau hoàn thành. Nhiều địa phương đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn xây dựng dự toán và tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành Bộ giá sản phẩm cho nhiệm vụ thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất để áp dụng chung trên địa bàn tỉnh tạo điều kiện cho các địa phương, các đơn vị tư vấn và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan dễ thực hiện.

Vì vậy việc ban hành Bộ giá sản phẩm thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

Phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch; lập dự toán, thẩm định, phê duyệt dự toán; thanh quyết toán các nhiệm vụ: thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn cấp xã, huyện, tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

Giá sản phẩm phải đảm bảo chất lượng là tính đúng, đủ về đơn giá tiền lương, chi phí lao động kỹ thuật, chi phí vật tư (công cụ, dụng cụ), chi phí khấu hao, năng lượng trong từng hạng mục công việc theo các quy định hiện hành.

Các bước trong từng hạng mục của giá sản phẩm phải phù hợp với quy trình công nghệ, điều kiện trang thiết bị kỹ thuật hiện nay của ngành và đáp ứng thực tiễn tổ chức sản xuất.

Giá sản phẩm phải được tính toán chi tiết từng loại chi phí và có phần tổng hợp đơn giá sản phẩm từng bước công việc

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quyết định này quy định giá sản phẩm: thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Bao gồm:

1. Giá sản phẩm thống kê đất đai quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Giá sản phẩm kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Giá sản phẩm: thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Quyết định này là cơ sở để lập, thẩm tra, xét duyệt, phê duyệt dự toán và quyết toán các công trình, nhiệm vụ thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện các nội dung có liên quan đến việc thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN

Chính sách

- Mục tiêu: Trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật đã được Bộ Tài nguyên và môi trường ban hành áp dụng các chế độ, định mức, quy định tiền lương, bảo hiểm, thuế và các quy định hiện hành xây dựng Bộ giá sản phẩm thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất để áp dụng đồng bộ trên địa bàn tỉnh Gia Lai; giúp cho các đơn vị quản lý nhà nước thuận lợi trong việc xây dựng kế hoạch, dự toán, thẩm định phê duyệt dự toán và thanh quyết toán.

- Nội dung của chính sách

Hiện nay, việc thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất được các cơ quan chuyên ngành được giao nhiệm vụ thực hiện thường xuyên, đặc biệt là công tác thống kê đất đai được thực hiện thường xuyên hàng năm từ cấp xã, cấp huyện. Hàng năm, Phòng Tài nguyên và Môi trường phải xây dựng đăng ký kế hoạch xin chủ trương thực hiện và lập dự toán, xây dựng trình dự toán theo quy định của Luật Ngân sách để trình các ngành có liên quan thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao dự toán. Đối với nhiệm vụ kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất được thực hiện định kỳ 5 năm một lần với phạm vi toàn tỉnh và nguồn kinh phí tương đối lớn, việc tính toán chi tiết đến phạm vi từng xã.

Trong công tác xây dựng dự toán, do định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành quy định có nhiều bước công việc, hạng mục, việc tính toán phức tạp nên công tác xây dựng dự toán và thẩm định còn nhiều lúng túng.

Để thuận lợi trong việc giúp các cơ quan quản lý nhà nước có cơ sở chung đã được tính toán, thiết lập trên cơ sở các chế độ chính sách theo quy định hiện hành của nhà nước trong công tác lập, xét duyệt thẩm định dự toán và thanh quyết toán cho công tác thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn:

Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Bộ giá sản phẩm thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai trên cơ sở các quy định:

Các quy định chung :

Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính;

Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Quyết định số 1267/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản chưa đủ tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định hữu hình; Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Định mức kinh tế kỹ thuật:

- Thông tư số 13/2019/TT-BTNMT ngày 07 tháng 08 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Cơ cấu tính giá sản phẩm:

- Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

Chế độ tiền lương và các khoản phụ cấp lương:

- Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Công văn số 2387/LĐT BXH_LĐTL ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về áp dụng hệ số lương để lập dự toán đo đạc bản đồ và quản lý đất đai;

- Lương kỹ thuật: căn cứ Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 là 1.800.000 đồng/tháng;

- Lương lao động phổ thông: thực hiện theo Nghị định 38/2022/NĐ-CP quy định về mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

- Thông tư số 06/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động đối với cán bộ, công chức, viên chức (hệ số 0,4 tiền lương tối thiểu cho các công việc ngoại nghiệp);

Chế độ BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp, kính phí công đoàn:

- Căn cứ Nghị định 115/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc; Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Bảo

hiểm xã hội Việt Nam ban hành Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế và Các văn bản hướng dẫn (năm 2017 là 23,5% tiền lương cơ bản)

Đơn giá vật tư, công cụ dụng cụ, thiết bị:

- Bản báo giá thiết bị, vật liệu một số đơn vị .

V. NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Nội dung cơ bản của dự thảo quyết định bao gồm:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

1. Quyết định này quy định giá sản phẩm thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Bao gồm:

a. Giá sản phẩm thống kê đất đai.

b. Giá sản phẩm kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

2. Giá sản phẩm thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất quy định tại quyết định này là cơ sở để lập, thẩm tra, xét duyệt, phê duyệt dự toán và quyết toán các công trình, nhiệm vụ thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Điều 3. Giá sản phẩm thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Giá sản phẩm thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất như sau:

1. Giá sản phẩm thống kê đất đai quy định tại Phụ lục I của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Giá sản phẩm kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất quy định tại Phụ lục II của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Cơ sở vật chất, biên chế:

- Các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp, tổ chức cá nhân có liên quan xây dựng dự toán, thẩm định, phê duyệt dự toán và thanh quyết toán công trình dự án, nhiệm vụ hạng mục công việc trong việc thống

kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Nguồn kinh phí:

Do NSNN đảm bảo chi cho nhiệm vụ, dự án: kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo định kỳ phải thực hiện theo quy định của Nhà nước.

VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN .

- Lấy ý kiến góp ý các Sở, ban ngành, các địa phương: từ ngày 10/8/2023 đến ngày 10/9/2023.

- Trình Sở Tài chính thẩm định theo quy định của Luật Giá: trước ngày 30/9/2023.

- Trình Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Quyết định: trước ngày 15/10/2023

- Trình UBND tỉnh thông qua Quyết định ban hành giá sản phẩm Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai: tháng 11/2023.

Trên đây là Tờ trình kèm theo dự thảo Quyết định ban hành giá sản phẩm lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Sở Tài nguyên và Môi trường xin kính trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các P. Giám đốc
- Các phòng, đơn vị trực thuộc
- Lưu VT, VP, KHTC-TK, web

GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Trung